

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 445/UBND-KT ngày 28/01/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Công văn số 183/UBND-BQL ngày 10/02/2025 của UBND huyện Phù Yên về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 120/TTr-STNMT ngày 13/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

(sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La với những nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án: Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình và các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế của dự án và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Phù Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CỨNG
HOÁ ĐƯỜNG LIÊN XÃ ĐÁ ĐỎ - KIM BON, HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
- Địa điểm thực hiện: Thuộc địa phận huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Chủ dự án: UBND huyện Phù Yên;
- Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 4, thị trấn Phù Yên (nay là thị trấn Quang Huy), huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

2. Phạm vi, quy mô, công suất**2.1. Phạm vi**

- Điểm đầu tuyến: Nối vào Km39 + 800m, đường Vạn Yên - Đá Đỏ (thuộc địa phận bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên).
- Điểm cuối tuyến: Thuộc địa phận bản Dăn A, xã Kim Bon (giáp với bản Khoa, xã Tường Thượng, huyện Phù Yên).

2.2. Quy mô, công suất

- Diện tích đất chiếm dụng: 16,35 ha.
- Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại B (TCVN 10380:2014) và Hướng dẫn số 2212/SGTVT-KCHT ngày 29/7/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La về hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với tổng chiều dài tuyến 16,43 km.

3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**3.1. Các hạng mục công trình của dự án****a) Các hạng mục công trình chính**

- Tuyến đường 16,43km; $V_{tk} = 15$ km/h; nền đường $B_n = 4,0$ m; mặt đường $B_m = 3,0$ m; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm, lót bạt dứa, mặt đường BTXM mác 250 dày 18cm; được xây dựng trên cơ sở nâng cấp tuyến đường hiện trạng.
- Công trình thoát nước dọc tuyến: Rãnh dọc kết cấu bê tông xi măng kích thước rộng mặt x rộng đáy x chiều cao (0,8m x 0,4m x 0,3m) với chiều dài 73m; Rãnh kết cấu rãnh đất ở những đoạn tuyến có khả năng sạt lở, gây ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường với chiều dài 272m; Rãnh kết cấu rãnh đất chiều dài theo

diện tích khu phụ trợ, phía vai đường sử dụng độ dốc 1/1, phía taluy sử dụng độ dốc 1/1, độ dốc dọc rãnh đường theo độ dốc dọc của đường. Các vị trí đường ngõ vào nhà dân lắp đặt tấm đan BTCT mác 250 lắp ghép, kích thước (140 x 80 x 12) cm.

- Công trình thoát nước ngang tuyến: Gồm 71 cống tròn khẩu độ 1,0m - 2,0m; 11 cống bản 1m; 05 cống bản mô nhệ với chiều dài L = 3 m, L = 4m và L = 6m; 09 hố thu BTXM M200.

- Tường chắn taluy: Xây dựng 01 đoạn tường chắn BTXM dài 12m, cao 4,5m; 6 vị trí kè rọ đá với tổng chiều dài/số rọ là 218,0m/229 rọ; kết cấu bằng rọ thép nhồi đá hộc.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

- Các nút giao cùng mức vượt nổi phù hợp với quy mô của tuyến và điều kiện thực tế; Hệ thống biển báo, vạch sơn, kích thước, cấu tạo đảm bảo tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Bố trí 02 công trường thi công, mỗi công trường bao gồm: khu lán trại, bãi tập kết nguyên vật liệu, bãi đúc cấu kiện và chứa cấu kiện, bãi chứa tạm chất thải xây dựng, cầu rửa xe, kho chứa chất thải nguy hại.

- 01 kho chứa vật liệu nổ: Vị trí kho được bố trí ở khoảng cách đảm bảo an toàn theo QCVN 01:2019/BCT.

- 12 bãi chứa đất, đá thải, được thỏa thuận đổ vào đất nông nghiệp của các hộ dân sau đó bàn giao lại cho các hộ dân tiếp tục quản lý sử dụng.

3.2. Các hoạt động của dự án

- Chuẩn bị mặt bằng.
- Tập trung công nhân thi công.
- Nổ mìn phá đá.
- Đào đắp nền đường; thi công các hạng mục công trình.
- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; vận chuyển đất đá thải đến các bãi thải trong giai đoạn thi công, xây dựng.

4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất có nguồn gốc là đất rừng phòng hộ với diện tích 4,12 ha (*hiện trạng không có rừng*).

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang tuyến, chuẩn bị mặt bằng thi công; hoạt động đào đắp, thi công các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên liệu vào dự án, vận chuyển đất đá thải đến bãi thải.
- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động đến môi trường như: phát sinh

bụi, khí thải, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan môi trường xung quanh; nước mưa chảy tràn gia tăng do sự bê tông hóa làm giảm khả năng thấm nước tại khu vực thực hiện dự án.

2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo dưỡng, bảo trì có phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân tại khu vực dự án và vùng lân cận và ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và nước dưới đất xung quanh khu vực dự án. Tuy nhiên, hoạt động bảo dưỡng, bảo trì không phải hoạt động thường xuyên và chỉ diễn ra định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra hư hỏng và diễn ra trong khoảng thời gian ngắn.

- Hoạt động của phương tiện giao thông dọc tuyến đường gây phát sinh bụi, các khí thải độc hại (NO_x , SO_x , CO , VOC ,...) từ các xe cơ giới. Ngoài ra còn phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến người dân sống và sinh hoạt gần khu vực dự án.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO CÁC GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án

1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân, lưu lượng dao động trong khoảng $8,5m^3/ngày$. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật...coliform.

- Nước thải công nghiệp (*nước thải xây dựng*): Từ hoạt động thi công xây dựng, lưu lượng khoảng $1,92m^3/ngày$. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), văng dầu mỡ... Hoạt động vệ sinh lồng trộn bê tông phát sinh nước thải khoảng $0,5m^3/ngày$. Thành phần chủ yếu là chất thải rắn lơ lửng, đất, cát.

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn qua khu vực $2.557m^3/ngày \approx 0,03 m^3/s$. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), độ đục...

b) Bụi, khí thải

- Phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng tuyến, san nền đường; hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu khi xây dựng, hoạt động đào đắp các hạng mục trên tuyến, hoạt động của các thiết bị máy móc thi công sử dụng dầu; hoạt động của máy trộn bê tông; hoạt động của công tác thi công đổ bê tông các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu, đất đá thải đến bãi thải... Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO , VOC ,...

1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân công nhân xây dựng. Quy mô (*khối lượng*) khoảng $42,5 kg/ngày$ với thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ,

bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ các hoạt động.

- Phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường với thành phần chủ yếu là thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây. Quy mô (*khối lượng*) khoảng 9.229,29 kg.

- Đào đắp cắt cua, mở tuyến, mở mái taluy, khối lượng đất đá cần đổ thải. Quy mô (*khối lượng*) khoảng 206.173,15m³.

c) Chất thải rắn nguy hại

Phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng bao gồm: bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy, chổi quét sơn, thùng đựng sơn, thùng phuy nhựa đường, đầu mẫu que hàn ... Quy mô (*khối lượng*) ước tính khoảng 15 kg/tháng.

1.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động máy móc thi công và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải với khoảng cách từ 30m ÷ 150m. Quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

1.4. Các tác động khác

a) Các tác động không liên quan đến chất thải.

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
- Tác động của quá trình đổ thải.
- Tác động của thay đổi cảnh quan khu vực.
- Tác động môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.
- Tác động đến hoạt động giao thông đường bộ.
- Tác động đến kinh tế, xã hội khu vực.

b) Các rủi ro sự cố từ dự án.

- Sự cố sạt trượt đất đá.
- Tai nạn lao động.
- Sự cố cháy nổ, cháy rừng.
- Rủi ro do thiên tai bất thường (*bão, mưa lớn*).

2. Giai đoạn vận hành dự án

2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động của công nhân duy tu bảo dưỡng phát sinh khoảng 0,4m³/ngày (*thời gian gián đoạn 1-2 năm/01 lần, mỗi lần khoảng 3 - 5*

ngày/vị trí). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, TSS, BOD, COD, tổng ni tơ, phốt pho, dầu mỡ, coliform... Tuy nhiên, cán bộ công nhân viên bảo trì, duy tu công trình sử dụng từ nguồn nhân lực tại địa phương, về với gia đình sau mỗi ca làm việc. Do đó, lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này có thể coi như không phát sinh.

- Nước mưa chảy tràn: Tổng lượng phát sinh khoảng 8.692,47 m³/ngày $\approx$ 0,10m³/s. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS)...

b) Bụi khí thải

Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 3kg/ngày (*thời gian bảo trì*) với thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn,...

- Chất thải rắn thông thường trong quá trình bảo dưỡng duy tu khoảng 2÷3 m³/đợt bảo dưỡng (*Gián đoạn 1-2 năm/lần, mỗi lần khoảng 3-5 ngày/vị trí*).

b) Chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các công trình sẽ phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2kg/đợt bảo dưỡng với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,...

2.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn và rung chấn tác động tới người dân, các khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến với khoảng cách từ từ 5m ÷ 10m. Tiếng ồn và độ rung cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu.

2.4. Các hoạt động khác

- Tác động do hoạt động giao thông đi lại.
- Tác động tới kinh tế - xã hội.
- Tai nạn giao thông.
- Sạt lở taluy, sụt lún, đứt gãy lòng đường.

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động kích thước: (D x R x C) = 3.868cm x 2.200cm x 2.668cm (*Vật liệu: Modul nguyên khối, vật liệu Composite*;

Nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dũ trữ; Bể chứa chất thải 1.700lít; Bể dự trữ nước 1.200lít); nước thải khu vực lán trại công nhân được dẫn về bể lắng kết hợp tách mỡ (bể 03 ngăn) tại khu lán trại công nhân (bố trí 01 bể với kích thước 2m x 1m x 1m).

- Nước thải xây dựng: Bố trí 01 bể lắng dung tích bể 5m³, kích thước 2,5 x 2 x 1m đặt tại khu phụ trợ của dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí dọc theo thiết kế của tuyến đường thi công bao gồm: những đoạn là nền đất hoặc đá cấp 4 tiết diện của rãnh hình thang đáy dưới rộng 40cm, sâu 30cm; Với những đoạn là nền đá cấp 3 tiết diện của rãnh hình tam giác có chiều sâu 30cm; Tại các vị trí có khe nước lớn: Xây dựng hố thu BTXM M200, kết hợp với rãnh dọc để thu, dẫn nước chảy về cống ngang đường. Tại các đoạn địa chất yếu, tiến hành gia cố phù hợp.

b) Bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, không coi nói thêm thùng xe, không chở quá tải trọng cho phép của xe.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (*đất, cát, xi măng, đá...*) được phủ kín thùng xe, không quá tải ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không đổ tràn chất thải hoặc vật liệu xây dựng, gây bụi ảnh hưởng đến giao thông và người dân trong khu vực.

- Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe (*5m x 4m, diện tích là 20m²*) tại khu phụ trợ. Xe vận chuyển sau khi vận chuyển nguyên vật liệu đến hoặc đến để vận chuyển đất đá thải sẽ được làm sạch lốp và gầm xe tại khu vực này trước khi ra khỏi công trường nhằm hạn chế bụi phát sinh do bụi bẩn bám vào bánh xe với tần suất 4 chuyến/lần rửa.

- Không vận chuyển vật liệu xây dựng vào những thời gian cao điểm giao thông (*buổi sáng: từ 6h đến 8h30'; buổi trưa: từ 11h đến 12h; buổi chiều: từ 17h đến 19h hàng ngày*).

- Đối với tuyến đường vận chuyển đất đá thải từ dự án đến bãi thải sẽ bố trí xe phun nước tạo ẩm tưới đường vào các ngày nắng nóng (*Tần suất phun tối thiểu 02 lần/ngày với mức phun 0,5 lít/m² /lần*).

- Bố trí nhân công thường xuyên kiểm tra trên tuyến đường vận chuyển thu dọn đất đá rơi vãi, không ảnh hưởng đến sự tham gia của các phương tiện giao thông, và ô nhiễm môi trường dân cư xung quanh.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền; ưu tiên lựa chọn các máy thi công có chất lượng tốt để giảm ồn, rung và khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý nhằm hạn chế lượt xe ra, vào cùng một thời điểm, giảm tình trạng phát tán bụi và khí thải ra môi trường.

1.2. Giai đoạn vận hành

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, công nhân sau ca làm việc trở về sinh hoạt tại gia đình.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo đúng kỹ thuật và thiết kế. Thoát nước sau kè bằng hệ thống cống thoát nước, bố trí trên cơ sở quy hoạch, tính toán thủy văn khu vực, các hệ thống kênh mương. Định kỳ kiểm tra, loại bỏ rác, các dị vật, nạo vét các rãnh thoát nước và cống thoát nước đảm bảo công tác thoát nước mưa là liên tục, tránh tình trạng ứ đọng nước cục bộ ảnh hưởng đến thoát nước mặt của tuyến đường với tần suất 03 - 06 tháng/lần.

b) Đối với bụi và khí thải

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành nhằm hạn chế tối đa lớp bê tông bị lão hoá.

- Khi tiến hành bảo dưỡng công trình cần có biển báo, hướng dẫn giao thông và dùng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

- Quá trình bảo dưỡng tránh tập kết nhiều nguyên vật liệu tại tuyến đường, phải tiến hành dọn dẹp sạch sẽ nguyên vật liệu rơi vãi trong và sau khi thi công.

2. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng rác có nắp đậy loại 120 lít bằng nhựa tại công trường thi công. Đối với các loại rác thải không thể tái chế, tái sử dụng sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý. Các loại chất thải rắn có khả năng tái chế thì thu gom, phân loại và để bán phế liệu.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Bố trí 12 bãi thải theo dọc tuyến đường thi công đảm bảo đủ sức chứa 206.173,15m³ đất đá thải của dự án (*vị trí các bãi thải được đại diện chủ dự án, UBND xã, chủ hộ, các hộ giáp ranh, đơn vị thiết kế thống nhất tại biên bản thống nhất đổ thải*). Cụ thể:

STT	Tên bãi thải	Thông tin bãi thải
1	Bãi thải số 02	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn P41 Km1+523.24m – TD43 Km1+614.71m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, với diện tích khoảng 6.205,20m ² , sức chứa ước tính đạt 44.000,0m ³

2	Bãi thải số 03	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn P69 Km2+751.41m – TC72 Km2+863.46m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, với diện tích khoảng 3.748,60m ² , sức chứa ước tính đạt 20.000,0m ³
3	Bãi thải số 04	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn TC11 Km4+616.58m – TC15 Km4+809.62m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, với diện tích khoảng 7.742,10m ² , sức chứa ước tính đạt 29.000,0m ³
4	Bãi thải số 06	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn TĐ98 Km8+76.86m – TC4 Km8+236.28m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 5.335,70m ² , sức chứa ước tính đạt 20.000,0m ³
5	Bãi thải số 07	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn P26 Km9+208.47m – P27 Km9+264.66m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 1.017,10m ² , sức chứa ước tính đạt 2.600,0m ³
6	Bãi thải số 09	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn Cọc 64Km12+431.35m- P86 Km12+468.42m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 2.144,10m ² , sức chứa ước tính đạt 8.000,0m ³
7	Bãi thải số 10	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn Cọc 87Km13+839.31m – P41 Km13+962.56m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 6.617,30m ² , sức chứa ước tính đạt 24.000,0m ³
8	Bãi thải số 11	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn P51Km14+388.27m – TC56 Km14+532.27m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 4.954,0m ² , sức chứa ước tính đạt 47.100,0m ³
9	Bãi thải số 13	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn CọcTD22 Km5+059.22m - P26 Km5+260.98 (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ, với diện tích khoảng 5.680,19m ² , sức chứa ước tính đạt 28.000,0m ³
10	Bãi thải số 14	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn TD35 Km9+515.97m – TD36 Km9+541.91m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 2.079,11m ² , sức chứa ước tính đạt 16.600,0m ³
11	Bãi thải số 15	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn TD48 Km9+942.12m – TC48 Km9+961.98m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon,

		với diện tích khoảng 1.418,76m ² , sức chứa ước tính đạt 4.400,0m ³
12	Bãi thải số 16	Đất đá thải được vận chuyển đến vị trí đổ thải tại đoạn TC14Km13+217.14m – P17 Km13+273.31m (<i>bên phải tuyến</i>), hiện trạng là đất nương, thuộc địa phận bản Suối On, xã Kim Bon, với diện tích khoảng 4.730,32m ² , sức chứa ước tính đạt 22.700,0m ³

Tất cả các khu vực bãi thải trên đều có địa hình trũng so với nền xung quanh từ 2,21m – 9,51m, trữ lượng chứa thải tổng cộng đạt khoảng 266.400 m³ (*khối lượng đất đá thải là 206.173,15 m³*). Đồng thời, đều có sự cho phép của chính quyền địa phương, sự nhất trí và đồng thuận của các chủ sử dụng đất, nên không gây ảnh hưởng nhiều đến việc canh tác cũng như sản xuất của các hộ gia đình.

+ Phương án đổ thải: Sử dụng ô tô tự đổ và máy san gạt, máy lu để đảm bảo thoát nước mặt của đường phân tiếp giáp nền đường với bãi thải thiết kế cao độ đỉnh bãi thải thấp hơn so với cao độ tim đường, phương án như sau:

Taluy mái đắp: Mái taluy đắp của bãi thải thiết kế với độ dốc 1/1,5; để đảm bảo ổn định mái dốc, thì.

Tại những vị trí có sườn dốc ngang >20%, để đảm bảo độ ổn định của mái taluy đổ thải tránh sạt trượt sau thi công giạt cấp B, giạt cấp là 2m.

Khi mái dốc nền đắp đất cao thì cứ 8m đến 10m tạo một bậc thềm rộng 3m; trên bậc thềm có cấu tạo độ dốc (*những đoạn có sườn dốc lớn thiết kế kè rọ thép nhồi đá hoặc xếp ở chân taluy đắp H = 3m: bãi thải số 02, bãi thải số 03; các bãi thải còn lại được bố trí gia cố chân bãi thải bằng phương án đắp đá, đắp bao đất (nếu cần thiết)*)

+ Trình tự đổ thải: Được tiến hành từ dưới lên trên, bãi thải phát triển từ trong ra ngoài, với chiều cao tầng 2 - 3m; dùng máy ủi và máy lu để san gạt và đầm lèn.

+ Giải pháp thoát nước: Để đảm bảo thoát nước mặt của đường phân tiếp giáp nền đường với bãi thải thiết kế rãnh dọc với tiết diện hình thang đáy dưới rộng 40cm, sâu 30cm dốc dọc theo độ dốc của đường. Mặt trên của bãi đổ thải thiết kế san gạt tạo độ dốc 4% hướng ra ngoài taluy âm, dốc dọc của bãi thải theo độ dốc của đường.

(*Cụ thể đối với từng bãi thải được thuyết minh trong bản vẽ bình đồ bãi thải được đính kèm phụ lục báo cáo*).

- San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt: Sau khi hoàn thành việc đổ thải, các bãi thải sẽ hình thành mặt bằng có cos thấp hơn mặt đường hiện trạng, đảm bảo thoát nước mặt.

- Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, có thể kết hợp cùng chính quyền địa phương và người dân trồng cây...(*nếu hộ dân có nhu cầu*).

- Đối với chất thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, quán triệt cán bộ, công nhân tham gia sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng tuyến đường tự

thu gom rác thải sinh hoạt, vận chuyển ra các khu vực tập kết chất thải của khu vực, tránh xả bừa bãi ra môi trường xung quanh.

- Đối với chất thải thông thường: Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, đơn vị thi công sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường tự thu gom, vận chuyển ra các khu vực tập kết chất thải của khu vực, tránh xả bừa bãi ra môi trường xung quanh.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6m² tại khu vực phụ trợ công trường thi công để lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Trong kho sẽ bố trí 04 thùng chứa 60 lít chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ, phân loại chất thải. Kho được gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, nền kho được tráng bê tông chống thấm, cửa kho có gờ hoặc rãnh chống tràn đổ chất thải nguy hại ra khu vực xung quanh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý: Không có.

3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp: Trang bị thiết bị bảo hộ cho công nhân xây dựng, sắp xếp thời gian thi công hợp lý, thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, sử dụng các máy móc thiết bị có kết cấu đàn hồi, kê đỡ chân máy,...

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.2. Giai đoạn vận hành

Chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông đi lại và quá trình duy tu, bảo dưỡng, tuy nhiên cường độ ít. Để giảm thiểu các tác động này, chủ dự án bố trí các biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ dòng xe; bố trí máy móc và thời gian sửa chữa, duy tu hợp lý.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn xây dựng

- Sự cố sạt trượt đất đá: Đồ thải đúng trình tự, dung tích, đưa bãi thải về trạng thái an toàn sau khi kết thúc đổ thải; giám sát khu vực thi công bãi thải trước và sau các đợt mưa lớn.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về an toàn lao động; kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công; lập kế hoạch cấp cứu, phối hợp với chính quyền địa phương khi xảy ra tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ, cháy rừng: Xây dựng nội quy và tuân thủ nội quy về phòng cháy chữa cháy và phòng chống cháy nổ trên công trường (*chú ý khu vực kho mìn*); trang bị đầy đủ trang thiết bị và tập huấn cho cán bộ, công nhân thi công trên công trường, lưu ý việc đun nấu trên công trường tránh xa khu vực có cây cỏ khô dễ bắt lửa.

- Sự cố thiên tai: Theo dõi dự báo thời tiết, che chắn công trình, khơi thông dòng chảy tại các khu vực thi công, không thi công trong điều kiện thời tiết bất lợi. Có kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố trước khi thi công, phối hợp liên hệ chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng chống cứu nạn tại địa phương trường hợp xảy ra sự cố.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp biển cảnh báo, gương lồi tại các khu vực cua góc khuất, các điểm đầu nối giao cắt với 02 đầu tuyến để xảy ra tai nạn, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đường.

- Sự cố sạt lở taluy, sụt lún đứt gãy lòng đường, đảm bảo thi công đúng quy trình, kỹ thuật, gia cố những vị trí dễ sạt trượt bằng hệ thống kê đúng tiêu chuẩn phù hợp với địa hình, cử cán bộ kiểm tra định kỳ, tổ chức khắc phục ngay khi có sự cố.

4.2. Các công trình biện pháp khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông.

+ Kiểm tra tải trọng, chia nhỏ khối lượng vận chuyển; bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, vận chuyển đúng tốc độ, che chắn thùng xe cẩn thận.

+ Phối hợp, thỏa thuận với chính quyền địa phương về việc sử dụng các tuyến đường cho hoạt động vận chuyển.

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội.
- + Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm.
- + Quản lý chặt chẽ công nhân xây dựng và có biện pháp hòa giải hợp lý khi có mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương.
- + Nghiêm cấm việc lợi dụng dự án khai thác rừng trái phép.
- Giảm thiểu tác động đến các công trình hiện hữu.
- + Hoàn trả các tuyến đường dân sinh cắt qua tuyến (nếu có).
- + Việc di dời các hệ thống cơ sở hạ tầng (đường điện...) đảm bảo không làm ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của người dân
- Giảm thiểu tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực.
- + Tháo dỡ các nhà tạm, lán trại và các công trình phụ trợ. Thu dọn bãi tập kết nguyên vật liệu. San lấp các hố lũng, rãnh thoát nước, hố ga xung quanh kho bãi.
- + Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.
- Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.
- + Chỉ phát quang trong ranh giới dự án, không lấn chiếm diện tích xung quanh, thi công đến đâu phát quang đến đó.
- + Thu gom, dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công công trình sau từng ngày làm việc và khi kết thúc quá trình thi công.
- + Nghiêm cấm và có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi săn bắt động vật và chặt phá cây cối khu vực lân cận dự án của cán bộ công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Lắp đặt các biển cảnh báo, phối hợp với cơ quan có chức năng trong việc báo cáo các hành vi phá rừng, vận chuyển gỗ và động vật hoang dã trái phép.
- Giảm thiểu tác động đến dòng chảy: Bố trí các cống thoát nước dọc tuyến đường.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Giai đoạn thi công, xây dựng

1.1. Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn xây dựng.
- + Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải, giám sát việc trồng cây tại bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.

- + Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.
- + Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.
- + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.
- + Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.
- + Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- + Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.
- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- + Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu

- Thông số giám sát: Giám sát về số lượng phương tiện vận chuyển, khối lượng vận chuyển, tình hình rơi vãi nguyên, nhiên, vật liệu.
- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

1.4. Giám sát sạt lở, sụt lún công trình

- Thông số giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún của công trình.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông.
- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

1.5. Giám sát chuyển đổi chiếm dụng đất rừng, tận thu lâm sản và cháy rừng, chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã.

Chi cục Kiểm lâm phối hợp với cơ quan truyền thông địa phương, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ quốc phòng - an ninh của rừng; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; giám sát việc tận dụng lâm sản đúng phạm vi, ranh giới, diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, không để đối tượng khai thác lâm sản ngoài phạm vi cho phép, hợp thức hóa chứng từ, hồ sơ để mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ

viễn thám trong công tác giám sát diễn biến tài nguyên rừng, phát hiện sớm các vụ phá rừng, cháy rừng, khai thác rừng trái pháp luật để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời đảm bảo hiệu quả.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Thông số giám sát: Diện tích, khối lượng; tuyến đường vận chuyển,...

1.6. Giám sát môi trường lao động

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn: Giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động như đảm bảo các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ và được sử dụng đúng cách, cung cấp thông tin và đào tạo cho lao động về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

- Kiểm tra và giám sát môi trường lao động: Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ về chất lượng không khí, nồng độ bụi, tiếng ồn và các yếu tố môi trường khác tại nơi làm việc để đảm bảo rằng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho lao động.

- Giám sát nguy cơ và rủi ro: Đánh giá và giám sát các nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn liên quan đến an toàn lao động, bao gồm các nguy cơ về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tác động của môi trường làm việc đến sức khỏe của lao động.

- Theo dõi và báo cáo: Theo dõi các chỉ số và dữ liệu liên quan đến môi trường lao động và đưa ra báo cáo định kỳ về tình trạng an toàn và sức khỏe của lao động cho các bên liên quan, bao gồm nhà thầu, chủ đầu tư và cơ quan quản lý.

- Phản ứng và xử lý tình huống khẩn cấp: Xây dựng kế hoạch và quy trình phản ứng và xử lý tình huống khẩn cấp liên quan đến an toàn lao động và môi trường làm việc, bao gồm các biện pháp cứu hộ, sơ cứu và liên hệ với các cơ quan chức năng khi cần thiết.

- Tăng cường tư vấn và đào tạo: Cung cấp các chương trình đào tạo và tư vấn định kỳ cho lao động về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp và tăng cường sự nhận thức về các nguy cơ và rủi ro liên quan đến môi trường làm việc.

- Vị trí giám sát: Trên toàn tuyến.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

2. Giai đoạn hoạt động

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Tuy nhiên, dự án trong giai đoạn vận hành không phát sinh các tác động xấu tới môi trường. Việc giám sát trong giai đoạn này chủ yếu là giám sát trượt, sụt, lún tuyến đường được khai thác tối đa tránh được các sự cố gây hư hỏng, xuống cấp.

- Vị trí giám sát: Trên toàn tuyến.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.

IV. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

2. Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện sau khi đã hoàn thiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

3. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu đồng thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả và thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

5. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính toán khối lượng đất đá thải của dự án. Đồng thời tính toán, thiết kế chi tiết phương án đổ thải, kè chắn bãi thải đảm bảo không ảnh hưởng đến cao độ hiện trạng của đường giao thông, các vấn đề an toàn vận hành hệ thống điện liên quan; phương án thoát nước mặt và khả năng tiêu thoát lũ của khu vực.

6. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

7. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Chủ dự án chịu trách nhiệm về việc cam kết trong trường hợp có tận dụng đất đá đào làm vật liệu đắp tại dự án sẽ thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản hiện hành.

9. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.